

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2020, về việc *“Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ”*;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại Thu Công

Địa chỉ: Số 030 Bế Văn Đàn, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Thiên Kim, số 55 Đại lộ Hòa Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại Trung Thành

Địa chỉ: Km2 đường Hùng Vương, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Công Thành – Chức vụ: Giám đốc

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty cổ phần thương mại Trung Thành phải thanh toán cho Công ty TNHH thương mại Thu Công số tiền chi phí dịch vụ xuất khẩu hàng hóa là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Thời hạn thanh toán: Kể từ ngày 29/5/2020 (ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự) cho đến hết ngày 30/11/2020, Công ty cổ phần thương mại Trung Thành phải thanh toán toàn bộ số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) như đã thống nhất ở mục 1, phần II của Quyết định này cho Công ty TNHH thương mại Thu Công.

3. Về tiền lãi: Công ty cổ phần thương mại Trung Thành không phải trả lãi cho Công ty TNHH thương mại Thu Công, bao gồm cả lãi chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán sau ngày 30/11/2020.

4. Về án phí: Công ty TNHH thương mại Thu Công và Công ty cổ phần thương mại Trung Thành, mỗi công ty phải chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Công ty TNHH thương mại Thu Công phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ đi trong số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 42.020.975đ (bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000176, ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, Công ty TNHH thương mại Thu Công được hoàn trả lại 27.770.975đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

- Công ty cổ phần thương mại Trung Thành phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS Tp Móng Cái;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS Tp Móng Cái;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Minh Chiến

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

